

Tổ chức Giáp ở làng Việt ven biển huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá

PHẠM VĂN TUẤN*

Từ trước đến nay, tổ chức *giáp* trong làng Việt cổ truyền đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm tìm hiểu và đã có những cách tiếp cận khác nhau, phần nào phác vạch được quá trình xuất hiện, nội dung hoạt động và vai trò, chức năng xã hội đặc thù của giáp trong đời sống làng xã.

Xét dưới góc độ ngữ nghĩa, từ giáp được hiểu: Vị trí thứ nhất trong thập can, áo của người chiến sĩ mặc, vỏ loài côn trùng, bậc thứ nhất trên hết, móng tay, móng chân, một khu vực trong làng⁽¹⁾. Hoặc giáp là một ký hiệu nôm cho nên có hai cách đọc: đọc theo lối nôm na là kếp, đọc theo lối chữ nghĩa là giáp. Cách đọc theo âm kếp chỉ còn giữ lại ở một số địa danh và vai diễn nam trong các loại trình diễn về văn nghệ⁽²⁾. "*Giáp*" thể phát âm Hán - Việt của một từ Trung Hoa vốn chỉ cái mai rùa, rồi từ đó chỉ luôn cả bộ phận phòng ngự bằng chất cứng trong quân phục xưa⁽³⁾. Với một cách hiểu ngữ nghĩa như vậy, trong làng xã cổ truyền từ "*giáp*" được chuyển

đổi thành một tổ chức hành chính để "chỉ một đơn vị gồm toàn nam hoặc một cá thể nam tính. Quá trình chuyển đổi chức năng đó gắn liền với một sự kiện lịch sử: Đầu thế X, vào những năm 907 - 910 khi tiết độ sứ Khúc Hạo đổi *hương* thành *giáp* và ông đã sử dụng tổ chức này thành một đơn vị hành chính. Đó là thời điểm cơ cấu của giới nam từ hình thức tương trợ, hình thức giới đã đi vào lĩnh vực chính trị⁽⁴⁾. Như vậy, khái niệm giáp nguyên gốc được hiểu là một tổ chức hành chính. Trong làng xã cổ truyền, giáp được xem là một loại hình tổ chức đặc biệt nhưng phi chính thống.

Nếu căn cứ trên thực tế của đời sống làng xã, chúng ta lại thấy giáp được tổ chức theo địa vực dân cư, tương đương kiểu xóm, ngõ mà tên gọi của giáp thường được thấy trong các làng, gọi theo phương hướng (giáp Đông, giáp Tây, giáp Nam, giáp Bắc).

Dù tồn tại dưới hình thức nào thì tổ chức giáp vẫn dựa trên nguyên tắc tự nguyện và dựa theo lớp tuổi. Giáp là tổ

* Phạm Văn Tuấn, NCS. Viện Dân tộc học.

chức giành riêng cho nam giới ở trong làng, không có phụ nữ tham gia tổ chức giáp.

Qua điều tra thực tế ở các làng Việt vùng ven biển huyện Hậu Lộc chúng tôi thấy trong mỗi làng số lượng giáp không chỉ có số chẵn mà có cả số lẻ. Tên của giáp có làng được thể hiện sự đăng đối, có làng được thể hiện theo cách gọi về một địa danh cụ thể của cư dân làng đó. Làng Diêm Phố (Ngư Lộc) có 8 giáp gồm: Đông, Đoài, Nam, Bắc, Trung Đông, Trung Đoài, Trung Nam và Trung Bắc; làng Khúc Phần (Hưng Lộc) có 2 giáp: Giáp Đông và giáp Tây; Y Bích - Lộc Tiên nhị xã được chia thành 4 giáp. Làng Phú Nhi có 4 giáp: Giáp Tây, giáp Nam, giáp Đông, giáp Đoài; xã An Giáo có 9 thôn thì mỗi thôn tương ứng với một giáp: Giáp Phú Thọ (thôn Minh Phú), giáp Đụt (thôn Minh Hải), giáp Đụt Tây (thôn Minh Đức), giáp Pheo Thượng (thôn Minh Thanh), giáp Phước Thành (thôn Minh Thành), giáp Phú Yên (thôn Minh Phú), giáp Nghè Hụ (thôn Minh Hùng).

Từ số lượng giáp, tên gọi giáp như nêu trên, rõ ràng khái niệm giáp vừa như là chỉ địa vực cư trú, lại cũng như một tổ chức để thực hiện một chức năng công việc của làng. Có thể thấy ở Diêm Phố là một làng đánh cá chuyên nghiệp, làng được chia thành hai xóm là *xóm Bè* và *xóm Gõ* theo đặc trưng nghề nghiệp, nhưng số lượng giáp thì lại có 8 giáp tương ứng với 8 xóm được coi như là một hợp thể để cấu trúc nên làng. Như vậy, ở đây giáp cũng có thể là xóm trong cơ

cấu tổ chức xã hội nhưng nó lại không phải là những giáp được gọi theo đặc trưng nghề nghiệp là xóm Bè và xóm Gõ. Một thí dụ khác, hai làng Y Bích - Lộc Tiên được chia thành 12 xóm nhưng cơ cấu lại có 4 giáp thường được gọi là "Tứ mái thập nhị thôn". Qua tìm hiểu chúng tôi biết người dân ở đây gọi *giáp* là *mái* là nhằm chỉ mái chèo của một giáp trong lễ hội thi bơi thuyền ở hai làng này. Như vậy, giáp là mái để chỉ một đặc điểm của giáp chủ yếu trong sinh hoạt lễ hội ở làng mà thành viên tham gia là nam giới.

Với hai nguồn tài liệu trên, chúng tôi cơ cấu giáp trong làng Việt cổ truyền vùng ven biển huyện Hậu Lộc được hiểu dưới hai góc cạnh khác nhau: Một là giáp bao hàm địa vực cư trú, hai là giáp biểu hiện trong sinh hoạt tín ngưỡng. Như vậy, diện mạo của giáp là gì, sự vận hành của nó ra sao, nó đóng vai trò gì trong đời sống làng mạc? Để làm sáng tỏ những vấn đề đặt ra về giáp chúng tôi xin được viện dẫn đến các sinh hoạt của các tổ chức xã hội liên quan đến giáp với hy vọng góp thêm đôi điều về nhận thức vấn đề.

Khi khảo sát tài liệu, chúng tôi có bắt gặp bài "*Mục lục nghề Vích*" của tiến sĩ Lê Doãn Giai (1714 - 1777) người làng Y Bích làm ra. Lê Doãn Giai làm bài "*Mục lục nghề Vích*" khi ông đang làm quan. Một lần về quê hương Y Bích ông đã bỏ tiền của để xây dựng nghề Vích, viết nhiều câu đối ở nghề, trong đó có bài "*Mục lục nghề Vích*". Bìa Mục lục nghề Vích là một bài văn ca ngợi quê hương

mình với niềm cảm hứng dạt dào tự hào về các nghề văn, võ, sĩ, nông, công, thương, ngư, cũng như ngày hội nào nức ở đình, ở nghề quê hương ông.

Bài *Mục lục nghề Vích* của Lê Doãn Giai mang nhiều ý nghĩa quan trọng. Đây là một bài văn cổ nhất hiện còn, trong đó chữ *giáp* được nhắc tới trong phần đầu viết về mục "Quê hương":

Bốn giáp Nam, Bắc, Đông, Đoài,

Mười hai ngõ cùng trong ngoài tương thân.

Bài *Mục lục* do Lê Doãn Giai sáng tác để dùng trong tiệc hát thờ thần cầu phúc đầu xuân hàng năm ở nghề Vích làng Y Bích. Điều đó cho thấy nghề Vích bề thế được xây dựng khá sớm (giữa thế kỷ XVII). Song điều chú ý hơn là tác giả đã cho biết bấy giờ ở Y Bích và Lộc Tiên đã có 4 giáp "Bao gồm thượng hạ toàn dân, Kỳ phúc nhập tịch đồng tâm vui mừng". Bốn giáp cùng mở tiệc hát thờ thần Kỳ phúc ở nghề làng. Nhưng tổ chức của chúng ra sao, tên gọi của chúng thế nào, cùng các hoạt động khác của giáp không thấy Lê Doãn Giai đề cập đến trong bài văn mục lục. Nhưng qua tài liệu khảo sát của chúng tôi, cho thấy đến trước Cách mạng Tháng Tám 1945 bốn giáp trên lại được gọi với một cái tên mới là *mái Nam, mái Bắc, mái Đông, mái Đoài*. Tên gọi này để chỉ bốn đội thuyền của bốn giáp tham gia tổ chức thi trong ngày hội nghề Vích từ ngày mồng 9 đến 12 tháng 6 âm lịch hàng năm.

Nhìn chung, các nguồn tài liệu trên cũng mách bảo về bốn giáp ở Y Bích -

Lộc Tiên, đó là các giáp: giáp Đông, giáp Đoài, giáp Nam, giáp Bắc.

Tổng hợp hai nguồn tài liệu nêu trên có thể đem lại cách nhìn nhận sát thực hơn về giáp.

Giáp với tư cách là một tổ chức xã hội tự nguyện của nam giới xuất hiện ở hai làng Y Bích và Lộc Tiên vào khoảng cuối thế kỷ XVII mà bài *Mục lục* của Lê Doãn Giai đề cập đến là một bằng chứng hết sức sinh động, có sức thuyết phục.

Suốt trên chặng đường hơn 300 năm đầy thăng trầm biến động của hai làng Y Bích - Lộc Tiên, cũng cho thấy ở đây không có sự chia tách về giáp. Phải chăng sự chia tách thành 12 xóm trong làng cũng không ảnh hưởng gì đến cơ cấu giáp! Nếu đúng như vậy, thì có lẽ cơ cấu giáp ở đây không phụ thuộc gì nhiều về xóm, ngõ. Nguồn tư liệu trên cũng chưa cho phép khẳng định gì hơn như thực tế cơ cấu giáp tồn tại. Về tên gọi giáp ở đây lại chỉ về phương vị: Đông, Đoài, Nam, Bắc chứ không gọi theo tên xóm. Xóm ở đây được gọi là: Làng Phó, làng Trung, làng Đình, làng Khánh Thượng, làng Khánh Hạ, làng Thọ (Y Bích); làng Đá, làng Tân, làng Thụ, làng Quảng, làng Chúa, làng Tỉnh. Nếu chỉ đơn thuần dựa vào tên giáp (gọi theo xóm) thì ở đây sẽ phải tồn tại 12 giáp tương ứng với 12 xóm. Vậy thì vấn đề đặt ra những người ở cùng một xóm sẽ cùng sinh hoạt ở một giáp. Điều này lại không phù hợp với 4 giáp đã nêu trên. Như vậy giáp có địa vực giống như địa vực của xóm - nhưng yếu tố địa vực của

giáp mở nhạt, vì chúng có chức năng riêng.

Tổ chức giáp ở hai làng Y Bích - Lộc Tiên với chức năng làm nòng cốt trong các kỳ tế lễ, tuần tiết diễn ra các mùa trong năm của làng. Tổ chức này có liên quan đến tổ chức đình, nghề. Theo tục lệ ở hai làng Y Bích - Lộc Tiên trong những kỳ lễ hội lớn ba hàng: Quan viên, hương lão, thôn trưởng họp bàn sẽ có quyết định nội dung cụ thể của lễ hội. Để thực thi lễ hội, làng giao cho 4 giáp đăng cai đôn đốc tiến hành. Người trưởng giáp có trách nhiệm đôn đốc ở những khâu quan trọng như làm chủ các đám rước từ đình đến nghề và ngược lại. Giáp lại còn tham gia vào một số trò chơi trong ngày tết cổ truyền như chơi cờ tướng, đánh trống hiệu trong các cuộc bài điểm, dự cỗ bàn ở đình Trung, tổ chức bơi thuyền ở 4 giáp. Người dân trong các giáp còn tham gia các lễ tiết, lễ hội diễn ra theo chu kỳ hàng năm như lễ Thượng Nguyên (rằm tháng Giêng), lễ Trung Nguyên (rằm tháng Bảy), lễ Hạ Nguyên (rằm tháng Chạp), ngày xá tội vong nhân.

Ngoài các lễ tiết chung của làng mà giáp tham dự, giáp còn tiến hành nhiều lễ thức riêng cho các thành viên mới gia nhập giáp, mừng thọ, giỗ hậu, giao hiếu.

Một nguồn tư liệu nữa về giáp ở làng Diêm Phố (Ngư Lộc). Theo các cụ già ở làng cho biết: Dưới thời Lê Cảnh Hưng (1739 - 1769) Diêm Phố có 4 giáp đó là giáp Đông, giáp Đoài, giáp Nam, giáp Bắc. Dưới thời Nguyễn và cho đến trước Cách mạng Tháng Tám các giáp trên lại

được chia tách như giáp Đông tách thêm một giáp nữa là giáp Trung Đông, giáp Đoài tách thêm ra giáp Trung Đoài, giáp Nam tách thêm ra giáp Trung Nam, giáp Bắc tách thêm ra giáp Trung Bắc.

Người vào giáp theo nguyên tắc tự nguyện, cha ở giáp nào con ở giáp ấy. Giáp lớn có thể có từ 7 đến 10 chi của một họ, giáp nhỏ thì có 3 đến 4 chi của một họ. Việc làng hàng năm do 8 giáp đăng cai. Ở Diêm Phố có lễ hội tháng hai âm lịch, tổ chức 3 năm một lần trước khi vào mùa khơi. Trước ngày hội lễ, trưởng giáp có trách nhiệm đôn đốc giáp mình dọn đường làng ngõ xóm, vệ sinh ở nghề. Tại nghề được trang hoàng lộng lẫy: Cờ phướn dăng dài hai bên thành nghề, giữa sân dựng một cây cờ đại với lá cờ ngũ sắc. Vào hội lễ có rước kiệu, rước cỗ, bơi thuyền, múa hát. Giáp lo cỗ tế thần có bánh gai, bánh chưng, bánh mật, xôi và thủ lợn. Sau khi đại diện các chủ tế xong, trưởng giáp chọn ra bốn thanh niên khoẻ mạnh khiêng kiệu đi trước. Sau kiệu là đội kèn trống và người mang lễ vật được rước quanh làng, sau đó xuống thuyền để ra đền thờ Thủy Phủ ở đảo Nẹ. Khi tế lễ xong kiệu quay về có vào chúc phúc một số nhà thờ họ, các trưởng họ được kiệu làng đến tổ chức đón tiếp rất trang trọng, sau đó theo kiệu về nghề cả. Tại nghề cả, khói hương lại được đốt lên, người chủ tế do giáp bầu lại vào cuộc tế. Tế xong, lộc được chia cho tất cả những người đến tham dự. Sau việc giáp đến việc họ tế tại nghề.

Giáp ở Diêm Phố là tổ chức tự nguyện của nam giới trong làng chủ yếu là tham gia các công việc tế tự ở làng với các chức năng cụ thể. Trong thực tế cuộc sống làng xã, chức năng và hoạt động của giáp đã đạt được những hiệu quả đáng kể.

Thêm một tài liệu về giáp ở xã Hanh Cù (nay là xã Đa Lộc). Tài liệu sắc phong ngày 25 tháng 2 năm Khải Định thứ 9 (1924) cho biết: Triều đình nhà Nguyễn đã sắc phong cho *giáp Phú Thọ*, xã Hanh Cù, tổng Liên Cừ, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá được phụng thờ như trước vị thần vốn được tặng "*Tổng uy minh phúc tôn thân*" cho phép dân được phụng thờ thần theo lễ đã được ghi trong điển sách của nhà nước. Nguồn tài liệu này cũng không cho chúng ta thông tin gì về hoạt động của giáp, nhưng sự tồn tại của giáp Phú Thọ xã Hanh Cù mà tài liệu nêu trên ít nhiều cũng cho ta biết ở làng Việt ven biển có tồn tại một tổ chức hành chính giáp tương đương một thôn ở đầu thế kỷ XX.

Từ những nguồn tư liệu tản mạn trên về giáp ở một số làng xã: Diêm Phố, Y Bích - Lộc Tiên, Phú Thọ có thể giúp chúng ta dựng lên một phác thảo về giáp với những mảng màu sắc và đường nét khá rõ. Sự xuất hiện và vận hành của giáp trong làng xã cho thấy giáp là một tổ chức quần chúng tự nguyện nơi làng xã. Giáp xuất hiện cùng với quá trình hình thành làng xóm và tồn tại ở

các thế kỷ sau đó cho đến năm 1945, với sự thiết lập một tổ chức hành chính mới của nền cộng hoà thì giáp cùng với cơ cấu tổ chức làng xã cổ truyền bị giải thể.

Trong quá trình tồn tại của giáp, nhìn lại thấy giáp thường được gọi theo *phương hướng* (Đông, Tây, Nam, Bắc), gọi theo *địa danh* (thôn, xóm), gọi là *các mái chèo* trong một cuộc thi bơi thuyền giữa các giáp. Sự phát triển của giáp còn tùy theo số lượng của nhân đinh mà đặt giáp (tách ra hoặc nhập vào).

Như vậy, cùng với quá trình hoạt động của nó, dù tồn tại dưới hình thức tổ chức nào thì nét nổi bật của cơ cấu tổ chức giáp vẫn đóng vai trò làm nòng cốt, là nhân vật trung tâm của các kỳ lễ tiết ở làng Việt cổ truyền vùng ven biển huyện Hậu Lộc trước đây./.

CHÚ THÍCH:

- (1) Đào Duy Anh (2003), Từ điển Hán - Việt (tái bản), NXB Văn hoá Thông tin, tr. 158.
- (2) Diệp Đình Hoa (2000), Người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 437
- (3) Trần Từ (1984), Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 108
- (4) Diệp Đình Hoa (2000), Người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 437.